

Số: 812/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2020

THÔNG CÁO BÁO CHÍ**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2020**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2020 như sau:

I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 02 năm 2020, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 14 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 12 Nghị định của Chính phủ và 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử;
2. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam;
3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;
4. Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;
5. Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
6. Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
7. Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ

tăng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

8. Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;

9. Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

10. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;

11. Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

12. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

2. Quyết định số 07/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Nghị định này bãi bỏ Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện và Điều 2 Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng

11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện (Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017).

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 chương, 124 điều quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử, cụ thể: (1) Quy định chung về: Đối tượng bị xử phạt; Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả; Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức; (2) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; (3) Hành vi vi phạm về giấy phép viễn thông; (4) Hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ viễn thông hành vi vi phạm về kinh doanh dịch vụ viễn thông; (5) Hành vi vi phạm về thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông; (6) Hành vi vi phạm về kết nối, chia sẻ cơ sở hạ tầng, công trình viễn thông; (7) Hành vi vi phạm về tài nguyên viễn thông, internet; (8) Hành vi vi phạm về chất lượng viễn thông; (9) Hành vi vi phạm về giá cước, khuyến mại trong viễn thông; (10) Hành vi vi phạm về giấy phép và sử dụng tần số vô tuyến điện; (11) Hành vi vi phạm về chất lượng phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện tử; (12) Hành vi vi phạm về xử lý nhiễu có hại; (13) Hành vi vi phạm về đăng ký, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện, quỹ đạo vệ tinh; (14) Hành vi vi phạm về các biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; (15) Hành vi vi phạm về an toàn thông tin mạng; (16) Hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội dung; (17) Hành vi vi phạm về thông tin trên mạng; (18) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao dịch điện tử, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; (19) Hành vi vi phạm hành chính về giải quyết tranh chấp, hình thức và mức xử phạt; (20) Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính; (21) Điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này (tổ chức được quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này).

2. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Nghị định này thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam và Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật quốc tịch Việt Nam.

Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31 tháng 01 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam (Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014).

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 39 điều quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch Việt Nam, cụ thể: (1) Quy định chung về: Hợp pháp hóa lãnh sự, dịch giấy tờ trong hồ sơ quốc tịch sang tiếng Việt; Cách thức nộp, thụ lý hồ sơ và trả kết quả giải quyết các việc về quốc tịch; Hủy giá trị giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam đã cấp cho người thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; Việc sử dụng quốc tịch của công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; Các hành vi bị nghiêm cấm; (2) Nhập quốc tịch Việt Nam; (3) Trở lại quốc tịch Việt Nam; (4) Thôi quốc tịch Việt Nam; (5) Tước quốc tịch, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam; (6) Thông báo kết quả giải quyết về quốc tịch; (7) Đăng ký để được xác định có quốc tịch Việt Nam; (8) Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; (9) Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; (10) Trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý nhà nước về quốc tịch.

3. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 3 năm 2020, trừ quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

Các quy định về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô tại Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các quy định về kinh doanh rượu tại Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Bãi bỏ cụm từ “danh nghĩa Quốc gia Việt Nam” tại điểm đ khoản 6 và nội dung “Việc tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài với danh nghĩa Quốc gia Việt Nam phải đạt được tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương” tại khoản 12 Điều 29; bãi bỏ cụm từ “Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng gửi kèm” tại số thứ tự 11 Mẫu số 01, số thứ tự 9 Mẫu số 02 và bãi bỏ cụm từ “việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam” tại số thứ tự 1 Mẫu số 10 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại”.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 chương, 21 điều sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương, cụ thể: (1) Lĩnh vực sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô; (2) Lĩnh vực điện lực; (3) Lĩnh vực hóa chất; (4) Lĩnh vực kinh doanh thực phẩm; (5) Lĩnh vực kinh doanh khoáng sản; (6) Lĩnh vực kinh doanh khí; (7) Lĩnh vực kinh doanh rượu; (8) Lĩnh vực kinh doanh thuốc lá; (9) Tổ chức thực hiện.

Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục các mẫu, gồm:

- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: (1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; (2) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; (3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất); (4) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh); (5) Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất); (6) Biên bản thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh); (7) Báo cáo kết quả khắc phục; (8) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất); (9) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh); (10) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh).

- Lĩnh vực kinh doanh rượu: (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép; (2) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép; (3) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép; (4) Đăng ký sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại; (5) Giấy phép; (6) Giấy phép (cấp sửa đổi, bổ sung lần thứ...); (7) Giấy phép (cấp lại lần thứ...); (8) Báo cáo tình hình sản xuất rượu năm...; (9) Báo cáo tình hình phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu năm...; (10) Báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có giấy phép sản xuất rượu trên địa bàn năm...; (11) Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh rượu trên địa bàn năm...; (12) Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh rượu trên địa bàn tỉnh năm...; (13) Giấy đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ; (14) Giấy đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

- Lĩnh vực sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô.

4. Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Nghị định này bãi bỏ khoản 3 Điều 1, Chương 3 và cụm từ "đo đạc và bản đồ" tại tên Nghị định, căn cứ ban hành, tên Chương 4, tại khoản 1 Điều 1, tại Điều 2, khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; bãi bỏ cụm từ "đo đạc và bản đồ" tại Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 chương, 26 điều quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, cụ thể: (1) Quy định chung về: Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; Mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền; (2) Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; (3) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, lập biên bản vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; (4) Điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ theo quy định tại Nghị định này.

5. Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Các quy định về xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Nghị định này bãi bỏ Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính).

Việc xử lý kỷ luật đối với người có thẩm quyền xử phạt và lập biên bản vi phạm hành chính thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu trên cơ sở yêu cầu, kiến nghị tại kết luận kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan, trừ những người trong cơ quan, đơn vị Quân đội nhưng không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; những người trong cơ quan, đơn vị Công an nhưng không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, công nhân công an; những người trong tổ chức cơ yếu nhưng không làm công tác cơ yếu thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng, minh bạch cho công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý sai phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 31 điều quy định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

(1) Quy định chung về: Mục đích kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Nguyên tắc kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (2) Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (3) Thực hiện kết luận kiểm tra; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận kiểm tra; (4) Xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (5) Điều khoản thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; cơ quan quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; (2) Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; (3) Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; (4) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Các quy định về tiền lương, tiền thưởng của người lao động và Ban điều hành; tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên tại Nghị định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 chương, 21 điều quy định thực hiện thí điểm quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, cụ thể: (1) Quy định chung về: Nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng; Loại trừ yếu tố khách quan; (2) Quản lý lao động và xây dựng thang lương, bảng lương; (3) Tiền lương, tiền thưởng của người lao động và ban điều hành; (4) Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên hội đồng thành viên, hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát và kiểm soát viên; (5) Trách nhiệm tổ chức thực hiện; (6) Điều khoản thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Người lao động theo quy định của Bộ luật lao động; (2) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; (3) Thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên; (4) Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty, người

đại diện chủ sở hữu trực tiếp và cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; (5) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

7. Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở, cụ thể: (1) Vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng; (2) Vi phạm quy định về quản lý giao dịch nhà ở; (3) Vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà ở công vụ, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; (4) Vi phạm quy định về quản lý sử dụng nhà công sở; (5) Bãi bỏ điểm c, điểm d khoản 1 Điều 7; điểm d, điểm đ khoản 2; điểm d khoản 3; điểm d, điểm đ, điểm i, khoản 5 Điều 23; khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 38; khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 60; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 61; (6) Xử lý chuyển tiếp.

8. Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 02 điều sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài, cụ thể: (1) Miễn lệ phí môn bài; (2) Mức thu lệ phí môn bài; (3) Khai, nộp lệ phí môn bài.

9. Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn triển khai thi hành việc quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 35 điều quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, cụ thể: (1) Nội dung quản lý cát, sỏi lòng sông trong quy hoạch vùng; (2) Thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông; (3) Tập kết, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng cát, sỏi lòng sông; (4) Bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ; (5) Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân các cấp; (6) Tổ chức thực hiện.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, về tài nguyên nước; các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác quản lý cát, sỏi lòng sông; kinh doanh, tập kết, vận chuyển cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, hồ; (2) Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác, vận chuyển cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông ven biển; (3) Tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hoạt động sau đây: Nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa, trừ duy tu, bảo dưỡng định kỳ các tuyến đường thủy nội địa hiện có; Kè bờ, gia cố bờ sông, trừ công trình kè bờ, chỉnh trị sông để phòng, chống thiên tai; san, lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông; Xây dựng công trình, vật kiến trúc nổi trên sông, xây dựng cầu, cảng sông, bến tàu, phà tiếp nhận tàu và các công trình thủy khác trong phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc trong lòng, bờ, bãi sông, hồ.

10. Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 02 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020).

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 05 chương, 27 điều quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia, cụ thể: (1) Một số biện pháp giảm mức tiêu thụ và quản lý việc cung cấp rượu, bia; (2) Nội dung, mức chi cho hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia; (3) Trách nhiệm thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông và trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng, chống tác hại của rượu, bia; (4) Điều khoản thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia.

11. Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

Nghị định này thay thế Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 chương, 92 điều quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư, cụ thể: (1) Quy định chung về: Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu; Ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP; Đăng tải thông tin về đấu thầu; Thời hạn đăng tải thông tin về đấu thầu; Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư; Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư; Thời gian và chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP nhóm C; Hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án PPP; Hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; Điều kiện xác định dự án đầu tư có sử dụng đất; Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất; Chuẩn bị, nộp và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; Lưu trữ thông tin trong đấu thầu; Tổ chuyên gia; Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa; (2) Sơ tuyển đối với dự án PPP; (3) Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư; (4) Đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện

dự án đầu tư theo hình thức PPP; (5) Đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; (6) Chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP; (7) Chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; (8) Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; (9) Nội dung thẩm định và phân cấp trách nhiệm thẩm định, phê duyệt trong lựa chọn nhà đầu tư; (10) Xử lý tình huống và giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư; (11) Xử lý vi phạm pháp luật, kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư; (12) Quy định chuyển tiếp và hướng dẫn thi hành.

Nghị định này áp dụng đối với: (1) Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này; (2) Tổ chức, cá nhân có hoạt động lựa chọn nhà đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này được chọn áp dụng quy định của Nghị định này. Trường hợp chọn áp dụng, tổ chức, cá nhân phải xác định rõ các điều, khoản sẽ thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định này và pháp luật khác, bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Ban hành kèm theo Nghị định này 02 phụ lục, gồm: (1) Bảng theo dõi tiến độ các hoạt động trong lựa chọn nhà đầu tư; (2) Cách xác định giá đánh giá trong đấu thầu dự án áp dụng loại hợp đồng BT.

12. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ bí mật nhà nước

a) Hiệu lực thi hành: Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực pháp luật.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ bí mật nhà nước (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020); khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 điều quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ bí mật nhà nước, cụ thể: (1) Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước; (2) Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; (3) Giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước; (4) Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ; (5) Địa điểm, phương án bảo vệ và phương tiện, thiết bị sử dụng tại hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước; (6)

Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước; (7) Chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

13. Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2020.

Quyết định này thay thế Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn triển khai thi hành Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 03 chương, 10 điều quy định về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, cụ thể: (1) Thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; (2) Quy trình xin phép và tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; (3) Quy trình thẩm định, cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; (4) Đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; (5) Trách nhiệm quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; (6) Trách nhiệm báo cáo; (7) Trách nhiệm thi hành.

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức Việt Nam và nước ngoài tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trên lãnh thổ Việt Nam và các cơ quan tham gia quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế; việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thực hiện theo quy định của Đảng.

Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục các mẫu về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam, gồm: (1) Đề án tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; (2) Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế; (3) Báo cáo tổng kết năm về công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế.

14. Quyết định số 07/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm

a) Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 02 năm 2020.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 02 điều, bổ sung thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới đối với bệnh COVID-19 (trước đây gọi là bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra) tại Phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2016.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 02 năm 2020, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Quốc Hoàn